

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố số 02, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

* **Bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1973

Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 03, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị C thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Trần Thị Đ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

* Ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo phương thức như sau:

- Ngày 01/8/2022, ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị C trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Bắt đầu từ tháng 09 năm 2022, ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị C trả cho bà Trần Thị Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi hết số nợ còn lại.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị C phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm 50% án phí do gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Do đó, số tiền án phí ông S, bà C phải nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 6.350.000 đồng (Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003315 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quy định chung:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục Thi hành án huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy Triều